

Họ và tên: **Lớp:** **Số báo danh:**

Câu 1. Một hệ dao động cơ đang thực hiện dao động cưỡng bức. Hiện tượng cộng hưởng xảy ra khi

- A. chu kì của lực cưỡng bức nhỏ hơn chu kì dao động riêng của hệ dao động.
- B. tần số của lực cưỡng bức lớn hơn tần số dao động riêng của hệ dao động.
- C. chu kì của lực cưỡng bức lớn hơn chu kì dao động riêng của hệ dao động.
- D. tần số của lực cưỡng bức bằng tần số dao động riêng của hệ dao động.

Câu 2. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ khối lượng m và lò xo nhẹ có độ cứng k đang dao động điều hòa. Đại lượng $T = 2\pi\sqrt{\frac{m}{k}}$ được gọi là

- A. chu kì của con lắc.
- B. biên độ dao động của con lắc.
- C. tần số góc của con lắc.
- D. tần số của con lắc.

Câu 3. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo nhẹ có độ cứng k , đang dao động điều hòa theo phương nằm ngang. Mốc thế năng ở vị trí cân bằng. Khi vật đi qua vị trí có li độ x thì thế năng của con lắc là

- A. $W_t = kx$.
- B. $W_t = \frac{1}{2}kx$.
- C. $W_t = \frac{1}{2}kx^2$.
- D. $W_t = kx^2$.

Câu 4. Một con lắc lò xo nằm ngang có độ cứng $k = 50 \text{ N/m}$ được gắn vào vật nặng có khối lượng $m = 0,2 \text{ kg}$. Kích thích cho vật dao động điều hòa, xác định chu kỳ dao động của con lắc lò xo? Lấy $\pi^2 = 10$.

- A. 0,1 s.
- B. 100 s.
- C. 0,3 s.
- D. 0,4 s.

Câu 5. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo nhẹ có độ cứng 10 N/m , dao động điều hòa với chu kì riêng $0,2\pi \text{ s}$. Khối lượng của vật là

- A. 200 g.
- B. 150 g.
- C. 100 g.
- D. 250 g.

Câu 6. Một con lắc lò xo có $k = 90 \text{ N/m}$ và $m = 100 \text{ g}$. Dao động riêng của con lắc này có tần số góc là

- A. 10 rad/s.
- B. 20 rad/s.
- C. 40 rad/s.
- D. 30 rad/s.

Câu 7. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ khối lượng m và lò xo nhẹ có độ cứng k đang dao động điều hòa. Con lắc dao động điều hòa với tần số góc là

- A. $\sqrt{\frac{m}{k}}$.
- B. $\sqrt{\frac{k}{m}}$.
- C. $2\pi\sqrt{\frac{m}{k}}$.
- D. $2\pi\sqrt{\frac{k}{m}}$.

Câu 8. Một con lắc đơn có chiều dài 121 cm , dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường $g = 10 \text{ m/s}^2$. Lấy $\pi^2 = 10$. Chu kỳ dao động của con lắc là

- A. 2,2 s.
- B. 0,5 s.
- C. 1,0 s.
- D. 2,0 s.

Câu 9. Khi nói về dao động duy trì của một con lắc, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Biên độ dao động và tần số của dao động đều không đổi.
- B. Biên độ dao động và tần số của dao động đều giảm dần.
- C. Biên độ dao động không đổi, tần số của dao động giảm dần.
- D. Biên độ dao động giảm dần, tần số của dao động không đổi.

Câu 10. Một con lắc đơn có độ dài bằng ℓ . Trong khoảng thời gian Δt nó thực hiện 12 dao động. Khi giảm độ dài của nó bớt 32 cm , trong cùng khoảng thời gian Δt như trên, con lắc thực hiện 20 dao động. Độ dài ban đầu của con lắc là

- A. $\ell = 60 \text{ cm}$.
- B. $\ell = 25 \text{ cm}$.
- C. $\ell = 50 \text{ cm}$.
- D. $\ell = 40 \text{ cm}$.

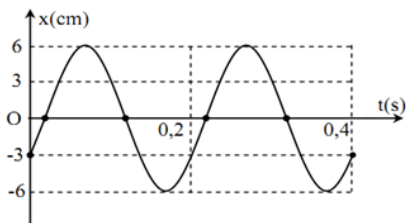
Câu 11. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo nhẹ có độ cứng 50 N/m, dao động điều hòa với tần số góc $\omega = 20 \text{ rad/s}$. Lấy $\pi^2 = 10$. Khối lượng của vật là

- A. 125 g. B. 62,5 g. C. 250 g. D. 200 g.

Câu 12. Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình $x = 10 \cos(6t) \text{ (cm)}$ (t tính bằng s). Khi chất điểm ở vị trí có li độ $x = -10 \text{ cm}$ thì gia tốc của nó là

- A. $3,6 \text{ m/s}^2$. B. 60 cm/s^2 . C. $2,0 \text{ m/s}^2$. D. $0,6 \text{ m/s}^2$.

Câu 13. Một chất điểm có đồ thị dao động như hình vẽ. Vận tốc cực đại của chất điểm có giá trị là



- A. $v_{\max} = 30 \text{ cm/s}$ B. $v_{\max} = 60 \text{ cm/s}$. C. $v_{\max} = 30\pi \text{ cm/s}$. D. $v_{\max} = 60\pi \text{ cm/s}$.

Câu 14. Một vật dao động điều hòa với tần số góc ω . Chu kỳ dao động của vật được tính bằng công thức

- A. $\frac{1}{2\pi\omega}$ B. $\frac{\omega}{2\pi}$ C. $T=2\pi\omega$ D. $T=\frac{2\pi}{\omega}$

Câu 15. Một con lắc đơn có vật nhỏ khối lượng m đang dao động điều hòa ở nơi có gia tốc trọng trường g. Khi vật qua vị trí có li độ góc α thì thành phần của trọng lực tiếp tuyến với quỹ đạo của vật có giá trị $P_t = -mg\alpha$. Đại lượng P_t là

- A. lực kéo về. B. chu kỳ của dao động.
C. lực ma sát. D. biên độ của dao động.

Câu 16. Khi nói về dao động cơ cưỡng bức sau khi ổn định, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Dao động cưỡng bức có tần số luôn bằng tần số riêng của hệ dao động.
B. Dao động cưỡng bức có chu kỳ luôn bằng chu kỳ của lực cưỡng bức.
C. Biên độ của dao động cưỡng bức phụ thuộc vào biên độ của lực cưỡng bức.
D. Biên độ của dao động cưỡng bức phụ thuộc vào tần số của lực cưỡng bức.

Câu 17. Mối liên hệ giữa tần số góc ω và tần số f của một dao động điều hòa là

- A. $\omega = \frac{f}{2\pi}$. B. $\omega = 2\pi f$. C. $\omega = \frac{1}{2\pi f}$. D. $\omega = \pi f$.

Câu 18. Hai dao động điều hòa cùng phương có phương trình lần lượt là $x_1 = A_1 \cos(\omega t + \varphi_1)$ và $x_2 = A_2 \cos(\omega t + \varphi_2)$ với A_1, A_2 và ω là các hằng số dương. Dao động tổng hợp của hai dao động trên có pha ban đầu là φ . Công thức nào sau đây đúng?

- A. $\tan \varphi = \frac{A_1 \sin \varphi_1 - A_2 \sin \varphi_2}{A_1 \cos \varphi_1 + A_2 \cos \varphi_2}$. B. $\tan \varphi = \frac{A_1 \sin \varphi_1 + A_2 \sin \varphi_2}{A_1 \cos \varphi_1 + A_2 \cos \varphi_2}$.
C. $\tan \varphi = \frac{A_1 \sin \varphi_1 + A_2 \sin \varphi_2}{A_1 \cos \varphi_1 - A_2 \cos \varphi_2}$. D. $\tan \varphi = \frac{A_1 \sin \varphi_1 - A_2 \sin \varphi_2}{A_1 \cos \varphi_1 - A_2 \cos \varphi_2}$.

Câu 19. Tại nơi có gia tốc trọng trường g, một con lắc đơn có chiều dài l dao động điều hòa với tần số góc là

- A. $\omega = 2\pi \sqrt{\frac{l}{g}}$. B. $\omega = \sqrt{\frac{g}{l}}$. C. $\omega = \sqrt{\frac{l}{g}}$. D. $\omega = 2\pi \sqrt{\frac{g}{l}}$.

Câu 20. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ khối lượng $m = 100 \text{ g}$ gắn với một lò xo nhẹ. Con lắc dao động điều hòa theo phương ngang với phương trình $x = 10 \cos(10\pi t) \text{ cm}$. Lấy $\pi^2 = 10$. Cơ năng của con lắc này bằng

- A. 0,32 J. B. 0,04 J. C. 0,25 J. D. 0.5 J.

Câu 21. Một vật dao động điều hòa với tần số góc ω . Khi vật ở vị trí có li độ x thì gia tốc của vật là

- A. $-\omega^2 x$ B. $-\omega^2 x^2$ C. $-\omega x^2$ D. ωx^2

Câu 22. Một vật dao động điều hòa theo phương trình $x = A\cos(\omega t + \varphi)$. Vận tốc của vật được tính bằng công thức

- A. $v = -\omega A\sin(\omega t + \varphi)$. B. $v = \omega A\cos(\omega t + \varphi)$.
C. $v = \omega A\sin(\omega t + \varphi)$. D. $v = -\omega A\cos(\omega t + \varphi)$.

Câu 23. Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, có phương trình là $x_1 = 3\cos(10t + \frac{\pi}{6})$ cm và $x_2 = 3\cos(10t + \frac{\pi}{3})$ cm. Pha ban đầu của dao động tổng hợp của vật có giá trị là

- A. $\frac{\pi}{4}$. B. $\frac{\pi}{3}$. C. $\frac{\pi}{2}$. D. $\frac{2\pi}{3}$.

Câu 24. Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, có phương trình là $x_1 = 3\cos(10t - \frac{\pi}{6})$ cm và $x_2 = 4\cos(10t + \frac{\pi}{3})$ cm. Biên độ dao động tổng hợp của vật có giá trị là

- A. 1 cm. B. 3 cm. C. 5 cm. D. 7 cm.

Câu 25. Tại một nơi trên mặt đất có $g = 9,8\text{m/s}^2$, một con lắc đơn dao động điều hòa với chu kỳ 0,7s, chiều dài của con lắc là

- A. 12 cm. B. 20 cm. C. 18 cm. D. 16 cm.

Câu 26. Một con lắc lò xo đang dao động điều hòa. Cơ năng của con lắc là

- A. thương động năng và thế năng của nó.
B. tổng động năng và thế năng của nó.
C. tích động năng và thế năng của nó.
D. hiệu động năng và thế năng của nó.

Câu 27. Cho hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số có biên độ là A_1 và A_2 . Biên độ dao động tổng hợp của hai dao động này có thể nhận giá trị lớn nhất là

- A. $A = A_1 + A_2$. B. $A = A_2$. C. $A = |A_1 - A_2|$. D. $A = A_1$.

Câu 28. Dao động của một vật có khối lượng 200 g là tổng hợp của hai dao động cùng phương có phương trình lần lượt là $x_1 = 5\cos\left(10t + \frac{\pi}{3}\right)$ (cm) và $x_2 = 5\cos\left(10t - \frac{\pi}{6}\right)$ (cm) (t tính bằng s). Động năng cực đại của vật là

- A. 25 mJ. B. 5 mJ. C. 50 mJ. D. 0,05 mJ.

Câu 29. Một con lắc đơn có chiều dài 1.00 m, dao động điều hòa tại nơi có $g = 9,80\text{ m/s}^2$. Tần số góc dao động của con lắc là

- A. 0,498 rad/s. B. 0,319 rad/s. C. 3,13 rad/s. D. 9,80 rad/s.

Câu 30. Cho hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số, ngược pha nhau, có biên độ lần lượt là A_1 và A_2 . Dao động tổng hợp của hai dao động này có biên độ là A. Công thức nào sau đây **đúng**?

- A. $A = |A_1 - A_2|$. B. $A = \sqrt{A_1 + A_2}$. C. $A = \sqrt{|A_1 - A_2|}$. D. $A = A_1 + A_2$

Câu 31. Dao động tắt dần có

- A. cơ năng không đổi theo thời gian. B. biên độ không đổi theo thời gian.
C. biên độ giảm dần theo thời gian. D. biên độ tăng dần theo thời gian.

Câu 32. Tại nơi có gia tốc trọng trường g , một con lắc đơn có sợi dây dài ℓ đang dao động điều hòa. Tần số dao động của con lắc là

- A. $2\pi\sqrt{\frac{\ell}{g}}$. B. $\frac{1}{2\pi}\sqrt{\frac{g}{\ell}}$. C. $2\pi\sqrt{\frac{g}{\ell}}$. D. $\frac{1}{2\pi}\sqrt{\frac{\ell}{g}}$.

Câu 33. Hai dao động điều hòa cùng phương có phương trình lần lượt là $x_1 = A_1 \cos(\omega t + \varphi_1)$ và $x_2 = A_2 \cos(\omega t + \varphi_2)$ với A_1, A_2 và ω là các hằng số dương. Dao động tổng hợp của hai dao động trên có biên độ A . Công thức nào sau đây đúng?

- A. $A^2 = A_1^2 + A_2^2 + 2A_1A_2 \cos(\varphi_2 + \varphi_1)$.
 B. $A^2 = A_1^2 + A_2^2 - 2A_1A_2 \cos(\varphi_2 - \varphi_1)$.
 C. $A^2 = A_1^2 + A_2^2 + 2A_1A_2 \cos(\varphi_2 - \varphi_1)$.
 D. $A^2 = A_1^2 - A_2^2 + 2A_1A_2 \cos(\varphi_2 - \varphi_1)$.

Câu 34. Một con lắc đơn có chiều l , đang dao động điều hòa ở nơi có gia tốc trọng trường g . Đại lượng $T = 2\pi \sqrt{\frac{l}{g}}$ được gọi là

- A. chu kì của dao động.
 B. tần số góc của dao động.
 C. tần số của dao động.
 D. pha ban đầu của dao động.

Câu 35. Một con lắc đơn có chiều dài 100 cm dao động điều hòa ở nơi có gia tốc trọng trường $g = 9,8 \text{ m/s}^2$. Tần số dao động của con lắc là

- A. 0,5 Hz.
 B. 1 Hz.
 C. 5 Hz.
 D. 0,05 Hz.

Câu 36. Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình $x = 10 \cos(5\pi t + \pi)$ (x tính bằng cm, t tính bằng s). Tần số dao động của chất điểm này là

- A. 0,4 Hz
 B. 2,5 Hz
 C. 5π Hz
 D. 1 Hz

Câu 37. Một con lắc đơn dao động điều hòa với tần số góc là 4 rad/s tại một nơi có gia tốc trọng trường là 10 m/s^2 . Chiều dài dây treo của con lắc là

- A. 125 cm.
 B. 50 cm.
 C. 62,5 cm.
 D. 81,5 cm.

Câu 38. Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình $x = 10 \cos(20t + \pi)$ (x tính bằng cm, t tính bằng s). Chất điểm này dao động với tần số góc là

- A. 5 rad/s.
 B. 15 rad/s.
 C. 10 rad/s.
 D. 20 rad/s.

Câu 39. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ khối lượng m và lò xo nhẹ có độ cứng 80 N/m, được treo vào một điểm cố định. Giữ vật ở vị trí lò xo dãn 10 cm rồi thả nhẹ, vật dao động điều hòa theo phương thẳng đứng. Biết tốc độ cực đại của vật bằng 70 cm/s. Lấy $g = 9,8 \text{ m/s}^2$. Giá trị của m là

- A. 204 g.
 B. 102 g.
 C. 408 g.
 D. 306 g.

Câu 40. Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình $x = 4 \cos(15t + 0,5\pi)$ (x tính bằng cm, t tính bằng s). Tốc độ chất điểm khi qua vị trí cân bằng là

- A. 9 cm/s
 B. 60 cm/s
 C. 60 m/s
 D. 9 m/s

----- **HẾT** -----